

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC THÔNG TIN Ở VIỆT NAM

TS. Lê Văn Viết
Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trình bày khái niệm "kiến thức thông tin" và quá trình hình thành khái niệm này. Đưa ra nội dung của khái niệm KTTT về 2 phương diện: hiểu biết và thực hành. Nêu tầm quan trọng của KTTT trong quá trình tạo lập và phát triển XHTT ở Việt Nam đồng thời đề xuất hướng đào tạo rộng rãi KTTT cho mọi người.

Kiến thức thông tin (KTTT) là một thuật ngữ, khái niệm rất mới đối với nhiều người làm công tác thư viện-thông tin ở Việt Nam. Đầu những năm 2000, tác giả Nguyễn Hoàng Sơn, giảng viên Khoa Thông tin-Thư viện ĐHKHXH&NV ĐHQG Hà Nội đã công bố một bài báo được chuẩn bị khá công phu về vấn đề này [6]. Có thể đây là bài báo đầu tiên chính thức đưa khái niệm này vào từ vựng ngành thư viện-thông tin nước ta. Sau đó, một số công trình nghiên cứu của sinh viên cũng đã đề cập đến chủ đề KTTT [1,10,13]. Đặc biệt năm 2002, Khoa Thông tin-Thư viện Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội đã phối hợp với IFLA tổ chức một hội thảo về KTTT với sự tham gia của nhiều nhà khoa học thế giới và Việt Nam. Những hoạt động như thế đã thúc đẩy việc nghiên cứu và phổ biến KTTT ở nước ta. Bài viết này mong muốn làm rõ thêm đôi nét về nguồn gốc, nội hàm và tầm quan trọng của KTTT.

1. Về khái niệm Information Literacy

Cho đến nay, khái niệm Information Literacy được hiểu và dịch ra tiếng Việt rất khác nhau. Nhiều người dịch là kiến thức thông tin, có người lại đánh đồng nó với kỹ

năng thông tin. Chẳng hạn, trong bài tham luận "Những tiêu chuẩn kiến thức thông tin trong giáo dục đại học Mỹ và các chương trình đào tạo kỹ năng thông tin cho sinh viên tại Trung tâm thông tin-thư viện, ĐHQGHN" của TS. Nguyễn Huy Chương và CN. Nguyễn Thanh Lý không thấy nêu ra định nghĩa về khái niệm kiến thức thông tin (mặc dù có từ viết tắt KTTT) mà chỉ có khái niệm về kỹ năng thông tin. "Kỹ năng thông tin là tập hợp các yêu cầu về khả năng nhận biết thông tin cần thiết, xác định, đánh giá và sử dụng một cách hiệu quả các thông tin cần thiết" [7]. Nếu đem những khả năng này so sánh với những khả năng của những người có kiến thức thông tin được trình bày trong các tài liệu thì khá tương đồng. Có người lại sử dụng nguyên bản tiếng Anh của từ này để trình bày các bài báo bằng tiếng Việt [3]. Trong những cuộc trao đổi cá nhân giữa tác giả với ông Nguyễn Hữu Viêm, một người có nhiều công trình nghiên cứu về thư viện học, ông Viêm cho rằng, thuật ngữ Information Literacy nên dịch là "xóa mù thông tin" vì Literacy cũng có một nghĩa là xóa mù. Bản thân tác giả bài viết này cũng rất muốn mở rộng khái niệm này ra thành "kiến thức thông tin-thư viện" vì những nội dung cơ bản của KTTT mà chúng tôi sẽ

trình bày ở phần dưới cũng là kiến thức thư viện-thư mục trước kia. Mặc dù có nhiều cách hiểu khác nhau như vậy nhưng Information Literacy được hiểu và dịch thành kiến thức thông tin là hợp lý hơn cả.

2. Quá trình hình thành khái niệm kiến thức thông tin

Trên thế giới, việc nghiên cứu về KTTT đã được tiến hành từ giữa những năm 1970 [3,5,12]. Càng về sau mức độ nghiên cứu càng tăng lên. Hoa Kỳ là nước đã bỏ nhiều công sức để nghiên cứu về KTTT. Rất nhiều hội nghị, hội thảo đã được tổ chức ở các nước, các khu vực, qui mô quốc tế về vấn đề này. Ở khu vực Đông Nam Á, năm 2004 Thư viện ĐH Brunei Darussalam phối hợp với Hội Thư viện Brunei đã tổ chức một hội thảo về KTTT với sự tham dự của nhiều nước trong khu vực. Trong tổ chức IFLA cũng có những thay đổi ứng với sự quan tâm về KTTT. Năm 2001, tại hội nghị hàng năm ở Boston, Hoa Kỳ, IFLA đã đổi tên Bàn tròn về đào tạo người dùng tin thành Tiểu ban Kiến thức Thông tin. Từ đó đến nay, Tiểu ban này đã có nhiều hoạt động để phổ biến KTTT trên toàn thế giới, trong đó có dự định sử dụng chứng chỉ quốc tế về KTTT [2]. UNESCO cũng quan tâm tới vấn đề phổ biến KTTT trên phạm vi toàn cầu với những chương trình hoạt động hết sức phong phú. Ở đây chúng tôi chỉ nhấn mạnh một sự kiện, mà kết quả của nó đã cho phép giải quyết nhiều vấn đề liên quan tới KTTT. Sự kiện đó là, vào tháng 9 năm 2003, dưới sự tài trợ của UNESCO, UB quốc gia về khoa học thư viện và thông tin và Diễn đàn quốc gia về KTTT (Hoa Kỳ) đã tổ chức hội thảo bàn về KTTT. Hội thảo này đã ra một tuyên bố, gọi là Tuyên bố Praha: Tiến tới xã hội KTTT (The Prague Declaration: Towards

an Information Literate Society). Điều đáng chú ý là, Tuyên bố Praha đã đưa ra 6 nguyên tắc cơ bản của KTTT. Đó là:

1. Việc hình thành xã hội thông tin là chìa khóa cho sự phát triển xã hội, văn hóa, kinh tế của các dân tộc và các cộng đồng, các thiết chế và các cá nhân trong thế kỷ XXI và những năm tiếp theo.

2. KTTT bao gồm kiến thức về nhu cầu và yêu cầu tin, khả năng xác định, định vị, đánh giá, tổ chức và sáng tạo, sử dụng có hiệu quả và truyền thông tin tới các địa chỉ. Đây là điều kiện đầu tiên để tham gia có hiệu quả vào xã hội thông tin và là một phần trong quyền cơ bản của con người được học tập suốt đời.

3. KTTT, trong quan hệ với sự tiếp cận tới các thông tin cần thiết và sử dụng có hiệu quả thông tin và công nghệ truyền thông, sẽ đóng vai trò chủ đạo trong việc thủ tiêu các bất công bên trong và giữa các quốc gia, dân tộc và trong việc khuyến khích lòng khoan dung, hiểu biết lẫn nhau thông qua việc sử dụng thông tin trong ngữ cảnh đa văn hóa và đa ngôn ngữ.

4. Các chính phủ cần phát triển các chương trình liên ngành rộng lớn để khuyến khích KTTT trên phạm vi cả nước như là bước đi cần thiết để loại bỏ sự cách biệt về số hóa thông qua việc tạo lập tính công dân ở KTTT, xã hội dân sự có hiệu quả và lao động có tính cạnh tranh.

5. KTTT là nhu cầu của mọi khu vực xã hội và mỗi khu vực có nhu cầu phù hợp với nhu cầu và ngữ cảnh đặc thù của mình.

6. KTTT là một bộ phận quan trọng của Chương trình Giáo dục dành cho mọi người, nó có thể đóng góp vào sự thành công của các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của LHQ và thực hiện Tuyên bố toàn cầu về quyền con người⁴.

⁴ Theo Edzan N.N. Information literacy initiatives in Malaysia: a framework for implementation / Nor Edzan Che Nasir, Mohd Sharif Mord Saad // The Visible librarian in the Virtual World: Proceedings of PPM-LAS commemorative conference: Kuala Lumpur 6 - 8 April 2005. - Tr. 78 - 79.

3. Nội dung của kiến thức thông tin

Nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam [3,5,6,7,8,9,11,12] đã nêu được nội dung của KTTT mà chủ yếu dựa theo quan điểm của Viện KTTT của Ostralia và New Zealand, của Hiệp hội các thư viện đại học và nghiên cứu Hoa Kỳ,... Từ những gì trình bày trong các công trình đó và căn cứ vào nguyên tắc thứ 2 của Tuyên bố Praha nêu trên, có thể xác định nội dung của khái niệm KTTT gồm những thành phần sau:

- **Nắm bắt nhu cầu và yêu cầu tin của người dùng:** đây là yêu cầu đầu tiên và cốt yếu của công tác thông tin-thư viện. Để nắm bắt nhu cầu tin các thư viện, cơ quan thông tin phải thường xuyên tiến hành nghiên cứu nhu cầu tin của toàn bộ dân cư, của một nhóm đối tượng và của cả từng cá nhân. Cá nhân người sử dụng thông tin, cũng có thể tự xác định được nhu cầu, yêu cầu tin của mình trong từng giai đoạn, thậm chí từng thời khắc.

- **Xác định, định vị thông tin:** từ yêu cầu tin cụ thể của người dùng, xác định xem những tài liệu nào, hiện đang lưu giữ ở đâu (cả trong và ngoài nước có thể thỏa mãn được các yêu cầu đó. Để làm việc đó, không gì thuận tiện hơn là sử dụng các công cụ tìm tin của thư viện, của cơ quan thông tin, nhất là sử dụng Internet,...

- **Đánh giá thông tin:** người cung cấp thông tin và người sử dụng thông tin sẽ đánh giá mức độ phù hợp của những thông tin nhận được, đọc được với yêu cầu lúc đầu. Đánh giá sẽ rất có giá trị nếu kèm theo những nhận xét khách quan về tính khoa học, thực tiễn của các thông tin được cung cấp.

- **Tổ chức thông tin:** chọn lọc và tổ chức thông tin theo mục đích sử dụng của mỗi người. Đối với cơ quan thông tin, thư viện - đó là cặp chuyên đề, mục lục chuyên đề, tổng quan,... Đối với cá nhân người sử dụng - đó là các bài tóm tắt, các đoạn trích, các bài tổng luận, bài báo, bài nghiên cứu,...

- **Sáng tạo thông tin:** người sử dụng thông

tin phải tiến hành so sánh, đối chiếu, phê phán các thông tin vừa nhận được với các tri thức, thông tin, lý luận, học thuyết,... đã có để đưa ra những thông tin mới, hình thành tri thức mới và ở mức cao hơn- lý luận, học thuyết mới.

- **Sử dụng có hiệu quả thông tin:** vận dụng những thông tin nhận được cùng với những thông tin mới do mình tạo ra để giải quyết những vấn đề thực tiễn của mỗi cá nhân, tập thể, cộng đồng, xã hội. Đây là điều kiện để thẩm định các thông tin, tri thức mới nhận được hay mới sáng tạo nên.

- **Truyền thông tin tới các địa chỉ cần thiết:** truyền những thông tin vừa nhận được cũng như vừa tạo ra đã hoặc chưa qua kiểm chứng đến những cá nhân, tổ chức có nhu cầu để từ đó nhân rộng ra trong xã hội.

Căn cứ nội dung của KTTT nêu trên, có thể khẳng định rằng, tuy KTTT là một thuật ngữ mới nhưng nội hàm của nó lại rất quen thuộc. Bởi vì, phần lớn nội dung của khái niệm này trùng hợp với khái niệm trước đó đã sử dụng rộng rãi trong tài liệu nghiệp vụ thư viện của nước ta và quốc tế: kiến thức thư viện-thư mục [4]. Điều này cũng đã được tác giả Nguyễn Hoàng Sơn nhắc đến trong bài viết của mình: vào cuối thập niên 1980, các nhà thư viện ở các trường học đã chuyển khái niệm kiến thức thư viện thành KTTT [6]. Tất nhiên, vốn tri thức của khái niệm này càng ngày càng phong phú hơn do được bổ sung các nội dung mới. Từ nội dung trên, để dễ thao tác trong giảng dạy và thực hành, chúng tôi xin chia KTTT ra làm 2 lĩnh vực: hiểu biết (kiến thức, lý luận) và thực hành (kỹ năng).

Về hiểu biết: Phải có hiểu biết về:

- Quá trình hình thành thông tin, tri thức; vai trò của thông tin, tri thức trong đời sống mỗi người và trong toàn xã hội;

- Thư viện, cơ quan thông tin, trong đó bao gồm cả những hiểu biết về mạng lưới thư viện, thông tin của đất nước (vùng, huyện, tỉnh), của thế giới, đặc biệt là của thư viện, cơ quan

thông tin cụ thể nơi bạn đọc đang sử dụng;

- Những nhu cầu và yêu cầu tin của mỗi người, mỗi cộng đồng, tập thể;

- Vốn tài liệu-thông tin, các dịch vụ, sản phẩm thư viện-thông tin của từng thư viện và của cả ngành thư viện-thông tin trong cả nước;

- Bộ máy tra cứu-tìm tin truyền thống và hiện đại;

- Các công cụ, chiến lược tìm và các phương pháp tìm tin;

- Tin học, Internet, web, tuy nhiên chỉ ở mức kiến thức về lưu trữ, tìm và khai thác tin trên mạng;

- Pháp luật thư viện, luật bản quyền.

Về kỹ năng

- Kỹ năng nghiên cứu nhu cầu tin của toàn xã hội, của tập thể, nhóm người, của từng cá nhân;

- Kỹ năng biết định hướng trong các bộ máy tra cứu-tìm tin của các thư viện và cơ quan thông tin trong và ngoài nước ;

- Kỹ năng tìm kiếm thông tin bằng phương pháp truyền thống và hiện đại;

- Các phương pháp làm việc với vật mang tin khác nhau, kỹ thuật đọc để thu nhận thông tin từ những gì đã đọc,...

- Các kỹ năng nghiên cứu và đánh giá thông tin thông qua công tác xử lý, đánh giá, tổng hợp và phân tích tin;

- Kỹ năng truyền đạt, phổ biến thông tin;

- Kỹ năng tạo lập các sản phẩm thông tin, thư viện đặc biệt như cách lập bản thư mục, giới thiệu sách, biên soạn bài tóm tắt, các bài tổng luận,...

Tất nhiên, còn có thể liệt kê thêm nhiều vấn đề cần hiểu biết, nhiều kỹ năng cần nắm vững của một người được gọi là có kiến thức thông tin. Ngoài ra, trong mỗi nội dung đã nêu còn có thể nêu ra những vấn đề nhỏ hơn.

4. Tầm quan trọng của kiến thức thông tin

KTTT có tầm quan trọng hết sức to lớn, bởi lẽ, KTTT:

- Là một bộ phận quan trọng của Chương trình Giáo dục dành cho mọi người; là điều kiện quan trọng để giáo dục đạt hiệu quả và chất lượng cao;

- Là điều kiện đầu tiên để mọi người tham gia có hiệu quả vào xã hội thông tin và là yếu tố để con người thực hiện quyền được học tập suốt đời;

- Là yếu tố để mọi người tiếp nhận và khai thác thông tin đã có của loài người và sáng tạo nhanh với chất lượng cao hơn tri thức mới do biết tiếp thu, kế thừa các kiến thức đã có của các dân tộc trên thế giới;

+ Giúp mọi người tiếp cận, sử dụng thông tin của các dân tộc khác nhau và do đó có điều kiện phát triển nhanh hơn, nhờ đó loại bỏ được những bất công bên trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia, dân tộc, đồng thời giúp cho các dân tộc hiểu biết lẫn nhau, tạo nên nền hòa bình bền vững giữa các quốc gia, dân tộc.

5. Suy nghĩ về việc phổ biến kiến thức thông tin cho người dân

- Chính phủ cần xây dựng các chương trình để phổ biến KTTT trên phạm vi cả nước, cho mọi người, cho mọi khu vực kinh tế, xã hội khác nhau. Khi xây dựng các chương trình như vậy, cần chú ý đến đặc điểm, nhu cầu đặc thù của mỗi khu vực xã hội, mỗi loại người dùng khác nhau;

- Đây là công việc cần thiết và cấp bách, đặc biệt khi nước ta đang tiến hành việc ứng dụng CNTT một cách rộng khắp;

- Trong nhiều năm qua, Việt Nam đã có chương trình đào tạo người dùng tin nhưng chủ yếu chỉ trong các trường đại học. Kết quả là, mới có một bộ phận rất nhỏ dân cư được đào tạo về sử dụng thư viện, thông tin.

Phương hướng tới đây là đào tạo KTTT cho mỗi người dân kể từ lúc bước vào học lớp 1. Những việc cần làm để có thể đạt được điều đó là:

- Giao cho các thư viện, cơ quan thông tin nhiệm vụ đào tạo người dùng tin.

- Biên soạn tài liệu về KTTT cho người dùng thuộc mọi lứa tuổi và nghề nghiệp. Việc này có thể do Thư viện Quốc gia Việt Nam hoặc một trường đào tạo đại học ngành thư viện-thông tin nào đó đảm nhiệm. Tài liệu sẽ chỉ gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất của KTTT. Tài liệu chi tiết hơn sẽ do các trung tâm đào tạo (thư viện, trung tâm thông tin, các trường đào tạo ngành thư viện-thông tin,...), căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của từng nơi, biên soạn.

- Nhà nước cần cấp cho các thư viện, cơ

quan thông tin một khoản kinh phí hàng năm để làm công việc này.

- Các thư viện lớn, các cơ sở đào tạo ngành thư viện-thông tin cần có những bộ phận nghiên cứu và giảng dạy về KTTT.

Tóm lại, cùng với sự tạo lập và phát triển của xã hội thông tin, vai trò của KTTT ngày càng lớn mạnh. Các thư viện, cơ quan thông tin khoa học Việt Nam cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu và đào tạo KTTT không chỉ cho những người dùng của thư viện, cơ quan thông tin mà cho mọi người dân Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Thị Ngọc Oanh. Sự phát triển của kiến thức thông tin trong xã hội thông tin // Kỷ yếu hội nghị khoa học sinh viên chuyên ngành thông tin-thư viện lần thứ 6 Bộ môn thông tin-thư viện ĐHKHXH&NV ĐHQGHN. - H.:2002 (in máy tính). - Tr. 520 - 526.

2. Edzan N.N. Information literacy initiatives in Malaysia: a framework for implementation / Nor Edzan Che Nasir, Mohd Sharif Mord Saad // The Visible librarian in the Virtual World: Proceedings of PPM-LAS commemorative conference: Kuala Lumpur 6 - 8 April 2005. - Tr. 77 - 89.

3. Huỳnh Đình Chiến. Bước đầu giới thiệu Information Literacy vào việc đổi mới phương pháp dạy / học và công tác nghiên cứu khoa học tại Đại học Huế / Huỳnh Đình Chiến, Huỳnh Thị Xuân phương // Ngành thông tin - thư viện trong xã hội thông tin: kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Khoa Thông tin-Thư viện ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, 2006. - Tr. 84 - 91.

4. Lê Văn Viết. Tuyên truyền kiến thức thư viện - thư mục // Cẩm nang nghề thư viện. - H.:VHTT, 2000. - Tr.

5. Nghiêm Xuân Huy. Kiến thức thông tin với giáo dục đại học // Ngành thông tin - thư viện trong xã hội thông tin: kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Khoa Thông tin - Thư viện ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, 2006. - Tr. 135 - 144.

6. Nguyễn Hoàng Sơn. Tìm hiểu khái niệm kiến thức thông tin góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo cử nhân chuyên ngành khoa học thông tin - thư viện // Kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành thông tin - thư viện lần thứ nhất nhân dịp 5 năm thành lập bộ môn thông tin-thư viện ĐHKHXH&NV ĐHQGHN. - H.: NXB ĐHQGHN, 2001. - Tr. 86 - 109.

7. Nguyễn Huy Chương. Những tiêu chuẩn kiến thức thông tin trong giáo dục đại học Mỹ và các chương trình đào tạo kỹ năng thông tin cho sinh viên tại Trung tâm thông tin-thư viện, ĐHQGHN / Nguyễn Huy Chương, Nguyễn Thanh Lý // Ngành thông tin-thư viện trong xã hội thông tin: kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Khoa Thông

tin - Thư viện ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, 2006. - Tr. 92.

8. Nguyễn Văn Hành. Vài suy nghĩ về trang bị "kiến thức thông tin" cho sinh viên trong các trường đại học Việt Nam // Ngành thông tin - thư viện trong xã hội thông tin: kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Khoa Thông tin-Thư viện ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, 2006. - Tr. 104 - 107.

9. Tô Thị Hiền. Tăng cường kiến thức thông tin cho sinh viên - giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trong các trường đại học // Ngành thông tin-thư viện trong xã hội thông tin: kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Khoa Thông tin-Thư viện ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, 2006. - Tr. 108 - 114.

10. Trần Bích Diệp. Bước đầu tìm hiểu mối quan hệ giữa kiến thức thông tin và công nghệ thông tin / Trần Bích Diệp, Nguyễn Thị Trang Nhung // Kỷ yếu hội nghị khoa học sinh viên chuyên ngành thông tin - thư viện lần thứ 6 Bộ môn thông tin-thư viện ĐHKHXH&NV ĐHQGHN. - H.:2002 (in máy tính). - Tr. 491 - 496.

11. Trần Thị Quý. Kiến thức thông tin - lượng kiến thức cần có cho người dùng tin trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay // Ngành thông tin-thư viện trong xã hội thông tin: kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Khoa Thông tin-Thư viện ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, 2006. - Tr. 168 - 172.

12. Trần Thị Quý. Đổi mới nội dung, chương trình phương pháp đào tạo ngành thông tin - thư viện - yếu tố quan trọng để nâng cao kiến thức thông tin cho học viên / Trần Thị Quý, Nguyễn Thị Thúy Hạnh // Ngành thông tin-thư viện trong xã hội thông tin: kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Khoa Thông tin-Thư viện ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, 2006. - Tr. 173 - 178.

13. Vũ Quỳnh Nhung. Tìm hiểu kiến thức thông tin và vai trò của kiến thức thông tin trong giáo dục đào tạo // Kỷ yếu hội nghị khoa học sinh viên chuyên ngành thông tin-thư viện lần thứ 6 Bộ môn thông tin-thư viện ĐHKHXH&NV ĐHQGHN. - H.:2002 (in máy tính). - Tr. 514 - 519.